

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-PT

Ngày 23-3-2021

V/v: “*Tranh chấp di sản thừa kế
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như

Các thẩm phán:

Ông Nông Hà Nam

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lục Văn Phách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp di sản thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 24 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: Là người được giao kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Lâm Thị X; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

1. Liêu Thị H, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Phố HT, thị trấn U, huyện U (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng.

2. Liêu Thị H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Phố H, thị trấn U, huyện U (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng.

3. Liêu Thị M, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Phố Đ, thị trấn U, huyện U (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng.

Chị H, chị P và chị M đều có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đ - Luật sư hoạt động tại văn phòng Luật sư Nguyễn Đ, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng

tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Liêu Thị M: Bà Trần Ngọc L hoạt động tại văn phòng Luật sư Nguyễn Đ, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Liêu Văn H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Phố B, thị trấn U, huyện U (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ hai lần).

- *Người có yêu cầu độc lập:* Liêu Thúy V (tên gọi khác là Liêu Thị V), sinh năm 1944;

Địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện N, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: ông Liêu Đức D

Địa chỉ: Số nhà 022, tổ 18, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, theo giấy ủy quyền ngày 12/6/2019. Có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Liêu Đức Đ, sinh năm 1942;

Địa chỉ: Số nhà 022, tổ 18, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Liêu Đức D:* Luật sư Nguyễn Trung Dn - Văn phòng luật sư Nguyễn Trung Dn. Có mặt

2. Liêu Thị L, sinh năm 1933 (Đã chết vào ngày 12/01/2021)

Địa chỉ: Số nhà 105, phố B, phường N, quận H, thành phố H;

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Liêu Thị L:

- Trần Bình Minh, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 209 tầng 2, tầng 5 tập thể Công ty X, phường Q, quận H, thành phố H.

- Trần Thanh P, sinh năm 1963

- Trần Thanh S, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: 105 phố B, phường N, quận H, Th phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Liêu Thị L: Ông Liêu Đức D; địa chỉ: Số nhà 022, tổ 18, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

3. Liêu Văn C, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số nhà 061, tổ 10, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

4. Liêu Văn G, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Phố H, thị trấn U, huyện U (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng;

5. Liêu Văn Y;

Địa chỉ: Số nhà 02, tổ 14, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

6. Liêu Văn Th;

Địa chỉ: Khu I, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

7. Liêu Thị T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: P, thị trấn U, huyện U (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng.

8. Đồng Thị D, sinh năm 1935;

Địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện S, tỉnh T;

9. Lương Thị T, sinh năm 1965;

10. Liêu Minh T, sinh năm 1986;

11. Liêu Mạnh T; sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh T;

12. Liêu Thị Thúy D;

Địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện Y, tỉnh T;

13. Liêu Minh T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện S, tỉnh T;

14. Vũ Thăng L, sinh năm 1959;

15. Bùi Tuyết L, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: Phố H, thị trấn U, huyện U (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng.

16. Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Người đại diện theo ủy quyền: Hoàng Thị H, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q (Theo giấy ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 13/1/2021). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Còn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

Những người làm chứng:

1. Nguyễn Thị P, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Phố H, thị trấn U, huyện U (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng.

2. Lương Văn P, sinh năm 1929;

Địa chỉ: Phố Đ, thị trấn Q, huyện U (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng.

3. Thang Văn T, sinh năm 1930;

Địa chỉ: Phố C, thị trấn U, huyện U (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng.

4. Phùng Thị M, sinh năm 1936;

Địa chỉ: Phố H, thị trấn U, huyện U (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng.

5. Liêu Thị C, sinh năm 1932;

Địa chỉ: Phố H, thị trấn U, huyện U (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng.

6. Đặng Kim C, sinh năm 1930;

Địa chỉ: Số nhà 019, Tổ 4, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Những người làm chứng đều xin vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Liêu Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Liêu Đức D, Liêu Đức C, Liêu Thị V, Liêu Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2018 và các lời khai tiếp theo ở Toà án nguyên đơn trình bày, bà X là vợ của ông Liêu Văn N (chết ngày 01/9/2002). Bà X kết hôn với ông Liêu Văn N năm 1953, có 5 con chung gồm: Liêu Văn C, Liêu Văn HG, Liêu Thị H, Liêu Thị P và Liêu Thị M. Năm 1955 vợ chồng ông N bà X mua với vợ chồng Nguyễn Văn S và Liêu Thị D một khu đất có tên địa phương K với tổng diện tích là 2.674,1m², gồm 9 thửa đất, đã bán đi 2 thửa đất (*gồm thửa 170, 203 tờ bản đồ số 7*), nay còn lại 7 thửa đất bao gồm:

1. Thửa số 188, tờ bản đồ số 7, diện tích 532m²;
2. Thửa số 243, tờ bản đồ số 7, diện tích 130m²;
3. Thửa số 246, tờ bản đồ số 7, diện tích 551,5m²;
4. Thửa số 202, tờ bản đồ số 7, diện tích 436,1m²;
5. Thửa số 245, tờ bản đồ số 7, diện tích 201,4m²;
6. Thửa số 244, tờ bản đồ số 7, diện tích 203,1m²;
7. Thửa số 187, tờ bản đồ số 7, diện tích 109,4m².

Sau khi mua và nhận diện tích đất trên, vợ chồng bà X đã quản lý và sử dụng liên tục cho đến nay. Quá trình quản lý, sử dụng đất vợ chồng bà X đã chuyển nhượng 2 thửa đất với diện tích 510,6m² cho:

- Ông Vũ Thăng L thửa số 170, tờ bản đồ số 7, diện tích 182m²;
- Ông Liêu Văn G thửa số 203, tờ bản đồ số 7, diện tích 328.6m²;

Ngày 20/7/2002, vợ chồng bà X đã lập Giấy chuyển quyền thừa kế chia cho các con sử dụng 6 thửa, còn 1 thửa sử dụng làm lối đi chung với tổng diện tích đất còn lại là 2.163,5m² ở trong 7 thửa đất nêu ở trên, cụ thể:

1. Liêu Thị H, thửa số 188, tờ bản đồ số 7, diện tích 532m²; hiện nay Liêu Văn HG đang quản lý, sử dụng toàn bộ.

2. Thừa số 243, tờ bản đồ số 7, diện tích 130m² bà đang quản lý, sử dụng; trên đất có nhà ở.

3. Liêu Văn C thừa số 246, tờ bản đồ số 7, diện tích 551,5m²; hiện nay Liêu Văn HG đang quản lý, sử dụng toàn bộ.

4. Liêu Văn HG thừa số 202, tờ bản đồ số 7, diện tích 436,1m²; hiện nay Liêu Văn HG đang quản lý, sử dụng toàn bộ.

5. Liêu Thị P thừa số 244 (202b), tờ bản đồ số 7, diện tích 203,1m²; hiện nay Liêu Văn HG đang quản lý, sử dụng toàn bộ.

6. Liêu Thị M thừa số 245 (202a), tờ bản đồ số 7, diện tích 201,4m²; hiện nay Liêu Văn HG đang quản lý, sử dụng toàn bộ.

7. Thừa số 187, tờ bản đồ số 7, diện tích 109,4m² là đất làm đường đi chung.

Ngày 01/9/2002 ông Liêu Văn N chết thì phần thừa kế của chồng bà X đã mở. Tuy nhiên, cho đến nay các con của bà X chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng được, vì khu đất nhà bà bị nhà nước quy hoạch, nên quyền sử dụng đất vẫn thuộc quyền của bà X, trừ kỹ phần đất của N đã mở.

Về nguyên nhân khởi kiện: Hiện nay con trai bà X là Liêu Văn HG đã lấn chiếm và sử dụng toàn bộ đất đai, không cho các con bà X quản lý, sử dụng; ngăn cản việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn Liêu Văn C (con trai) và Liêu Văn D (là em ruột ông Liêu Văn N) có đơn gửi Ủy ban nhân dân thị trấn U và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ngăn cản việc bà xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do chồng bà X đã chết, di sản là đất phần của ông N, bà X yêu cầu đem chia theo di chúc năm 2002. Phần đất còn lại sẽ xem xét thái độ ứng xử, ăn ở có nhân, có đức, hiếu thảo, thực hiện nghĩa vụ phụng dưỡng của từng người con, rồi bà X sẽ giao quyền thừa kế cho các con hưởng và quản lý về sau.

Cụ thể, yêu cầu Tòa án giải quyết: Tổng diện tích các thửa đất của ông Liêu Văn N và bà Lâm Thị X còn 2.163,5m².

- Diện tích đất của ông Liêu Văn N là ½ trong tổng diện tích đất nêu trên, yêu cầu chia đều theo di chúc cho bà X và 5 người con;

- Diện tích đất phần của bà Lâm Thị X là ½ trong tổng diện tích đất còn lại bà X sẽ giao quyền thừa kế theo di chúc hợp pháp.

Trong quá trình Tòa án xây dựng hồ sơ, thì ngày 21/7/2019 bà Lâm Thị X chết. Trước khi chết bà X có để lại Di chúc ngày 13/8/2018 giao quyền thừa kế tài sản và Giấy giao kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng ngày 04/12/2018 là giao kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng cho các con gồm: Liêu Thị H, Liêu Thị P và Liêu Thị M.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2018 và các lời khai tiếp theo chị Liêu Thị H là người được giao kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Lâm Thị X; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Chị là con thứ hai của ông N, bà X; bố, mẹ chị không có con nuôi. Nguồn gốc khu đất Khăn R là của bố mẹ chị mua. Năm 1985 khi được bố, mẹ chia đất chị đã dựng nhà trên thửa đất số 244 và nộp thuế sử dụng đất theo quy định, đến năm 2007 thì bị anh Liêu Văn HG đuổi nên chị mới mua đất dựng nhà ở chỗ khác; Lúc còn sống bố, mẹ chị đã nhiều lần chia đất cho các con; trong đó ngày 20/7/2002 trước khi chết mấy tháng bố mẹ chị lập Giấy chuyển quyền thừa kế chia đất cho các con, theo đó phần đất chị được chia 532m², vị trí đất ở cạnh và đằng sau ngôi nhà mẹ chị. Nay với tư cách được mẹ X (nguyên đơn) giao kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng và tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo Di chúc ngày 18/2/2012 do bà Lâm Thị X để lại (*bà X để lại hai di chúc*).

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2018 và các lời khai tiếp theo, chị Liêu Thị P là người được giao kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Lâm Thị X; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Chị là con thứ tư của ông N, bà X. Nguồn gốc khu đất Khăn R là của bố, mẹ chị mua. Năm 1994 bố chị chia đất Khăn R cho các con có chú ruột Liêu Văn D làm chứng, năm 1995 chia lại đất có xác nhận của chính quyền địa phương. Năm 2002 bố, mẹ chia lại đất lần nữa, phần chị được 203m², vị trí tiếp giáp đất anh Liêu Văn HG và đất bà Lc. Mặc dù được bố, mẹ chia đất nhưng chị chưa quản lý, sử dụng đất lần nào do chưa làm được giấy tờ. Ngoài ra, chị P có ý kiến, sau khi được bố, mẹ chia đất theo Giấy phân chia di sản cho các con ngày 23/10/1995, đến năm 1997 anh Liêu Văn HG dựng nhà trên nền đất đã được chia, chính là ngôi nhà hiện nay gia đình anh HG đang quản lý, sử dụng. Đến ngày 20/7/2002 trên cơ sở có hồ sơ địa chính khu đất Khăn R thì anh HG cũng được bố, mẹ chia cho diện tích 436m² đất ở thửa đất có ngôi nhà anh HG đã dựng.

Nay với tư cách được mẹ X giao kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng và tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị P yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo di chúc mẹ chị lập ngày 13/8/2018.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2018 và các lời khai tiếp theo, chị Liêu Thị M là người được giao kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Lâm Thị X; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Chị là con út của ông N, bà X. Nguồn gốc khu đất Khăn R là của bố, mẹ chị mua. Lúc còn sống bố, mẹ chị đã chia đất nhiều lần; trong năm 2002 chị được bố, mẹ chia cho diện tích đất 201m², vị trí tiếp phần đất chị P và đất anh HG nhưng chưa quản lý, sử dụng lần

nào; lý do chị chưa đến quản lý, sử dụng phần đất đã được bố, mẹ chia vì nhìn thấy cảnh trước đó vợ chồng anh HG ngược đãi bố và mẹ nên chị sợ. Nay với tư cách được mẹ X giao kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng và tư cách là người có quyền, nghĩa vụ L quan đến vụ án chị M yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo di chúc mẹ chị lập ngày 13/8/2018. Ngoài ra, tại phiên tòa chị M cho rằng Hội đồng định giá ngày 05/6/2020 đã định đất Khăn R cao do khu đất chưa được Nhà nước cấp GCNQSDĐ; đề nghị thành lập Hội đồng định giá khác định giá lại đất.

Tại văn bản tổng hợp ý kiến của người thừa kế ngày 05/8/2018 và các đơn trình bày tiếp theo bị đơn Liêu Văn HG trình bày: Anh là con thứ 3 của ông Liêu Văn N và bà Lâm Thị X, sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân anh có ý kiến như sau: Anh là người con thừa kế duy nhất và đang trực tiếp quản lý đất đai, tài sản của bố để lại. Mẹ anh có đơn yêu cầu xác định quyền tài sản vợ chồng thì anh mời mẹ lấy một nửa và khi chia di sản thừa kế mẹ chỉ được chia kỷ phần đất của mình cho 4 anh chị em. Còn kỷ phần đất của bố anh đã lập thừa kế cho anh.

Theo bản phân chia tài sản số 1 bố anh đã ghi rõ ràng người nhận, anh Liêu Văn C, chị Liêu Thị H đã lấy hết phần; các cô Liêu Thị P và Liêu Thị M đã nhận được ít nhiều. Cụ thể, tổng số các loại tiền mặt mà mẹ và bốn anh chị em đã chia nhau là 91.000.000đ (*Chín mươi một triệu đồng*) gồm: 20 triệu tiền tiết kiệm; trước khi chết bố anh để lại 10 triệu để chi mai táng nhưng chi hết 4 triệu; trong lễ tang thu về khoảng 60 triệu; trước khi chết bố anh bảo mẹ lấy 5 triệu chia cho các con thì anh C đã lấy phần của anh. Năm 2002 bố anh chết, khu đất gia đình nhà anh trị giá 60.000đ/m², số tiền 91 triệu tương đương với 1.500m² đất; ngoài ra bố anh cho riêng từng người; do đó, kỷ phần đất của mẹ anh và 4 anh em đã lấy hết phần của anh. Khi còn sống bố anh chưa chia cho anh tài sản gì nên mới lập thừa kế toàn bộ đất đai, tài sản cho anh quản lý và trong coi mồ mả tổ tiên.

Trong bản chia thừa kế số 2, chỉ có tên Liêu Văn HG đứng tên hưởng thừa kế. Còn mẹ anh yêu cầu chia phần đất của bố anh theo di chúc của các thừa kế sau khi đã đi khiếu kiện 16 năm nay, kể từ lúc bố anh chết gia đình anh chưa ai có giấy tờ đất đai hợp lệ. Những giấy tờ mà mẹ anh cung cấp đều là giả, không hợp lệ và một số giấy tờ không liên quan nên không có quyền chia vào phần đất bố anh đã lập thừa kế cho anh; ngoài ra, mẹ anh yêu cầu chia tổng diện tích đất là 2.163,5m² là chưa chính xác do phương pháp đo tổng thể và trừ đường đi mới chia đôi phần bố, mẹ bằng nhau; 3 biên bản hòa giải cơ sở không có chữ ký của anh (là người hưởng thừa kế) mà chuyển đến Tòa án giải quyết là không có hiệu lực pháp luật.

Theo trình tự pháp lý, anh đã có đơn đề nghị đóng băng tài sản chờ mở thừa kế gửi Ủy ban nhân dân và tư pháp thị trấn U, Viện kiểm sát U vào tháng 2/2016.

Như vậy, anh là người thừa kế duy nhất, nay phản tố yêu cầu nội dung hồ sơ khởi kiện của nguyên đơn do không đủ căn cứ pháp lý vì giấy tờ liên quan đến đất đai đều là giả. Nên vụ kiện không đủ tính chất pháp lý để giải quyết chia thừa kế, anh hoàn toàn bác bỏ, không chấp nhận. Với những ý kiến đã nêu ở trên, anh HG là người thừa kế chỉ yêu cầu giải quyết đất đai trong phạm vi gia đình, sẽ không lên Tòa án để giải quyết đất đai và tham dự phiên tòa nào cả.

Còn về việc các cô Liêu Thị L, Liêu Thúy V và chú Liêu Đức D có ý kiến về đất đai, thì phải có ý kiến với ông N lúc còn sống, và trong giấy tờ chia đất của bố anh cũng không có tên các cô chú nên theo pháp luật thì không bàn gì về chuyện đất đai; còn về tình cảm, nếu anh bán đất sẽ chia cho các cô và chú ít tiền gọi là hương hỏa tổ tiên. Việc bố anh bán đất tổ tiên về mua mảnh đất khác rộng hơn để trồng cây và trách nhiệm thay cha nuôi 5 em khôn lớn trưởng thành, học hành, dựng vợ gả chồng số tiền đó còn gấp vạn lần so với số tiền bán đất.

Ngoài gửi các văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án, anh HG không có chứng cứ gì chứng minh về việc anh được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ khu đất Khăn R như đã nêu ở trên.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2018 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Liêu Văn C trình bày: Anh là con cả của ông Liêu Văn N và bà Lâm Thị X. Khu đất Khăn R tọa lạc tại phố B, thị trấn U có nguồn gốc của ông, bà nội anh để lại. Theo anh được biết ông bà nội anh có thừa đất tại thị trấn U, vị trí hiện nay là trụ sở Ban quản lý chợ. Năm 1956 bố anh đi bộ đội về đã bán thừa đất này để mua khu đất Khăn R mà hiện nay gia đình anh đang tranh chấp. Mẹ anh cho rằng khu đất Khăn R là tài sản chung của bố, mẹ anh là không đúng; ngoài ra, lúc còn sống bố mẹ anh cũng không quan tâm chăm sóc mồ mả tổ tiên, anh đã đề nghị bán một phần đất lấy tiền xây mồ mả cha, ông nhưng cả gia đình không đồng ý. Mẹ anh khởi kiện đem đất chia cho các con anh không nhất trí, đất của ông bà đề nghị đem chia cho các cô, các chú. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 14/1/2020 và ở phiên tòa anh C lại nhận sẽ quản lý, sử dụng đất và nhà hiện đang thờ cúng bà X.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2019 và đơn sửa đổi bổ sung ngày 05/4/2019 người có yêu cầu độc lập Liêu Thúy V khởi kiện bị đơn Lâm Thị X, nội dung đơn trình bày: Bà là con gái của cụ Liêu Văn E (chết năm 1952) và cụ Bế Thị K (chết năm 1990); bố, mẹ bà có 6 con chung gồm: Liêu Văn N (chết năm 2002), Liêu Văn A (chết năm 2010), Liêu Văn T (chết năm 1993), Liêu Thị L, Liêu Đức D và bà Liêu Thúy V.

Trước năm 1945 bố, mẹ bà có ngôi nhà gỗ liền đất tại khu chợ thuộc Phố M, thị

trần U (nay là Q). Tất cả anh chị em bà đều được sinh ra và lớn lên trong ngôi nhà đó. Khi bố bà chết, mấy mẹ con cùng chung sống một nhà. Năm 1955 anh cả là Liêu Văn N kết hôn với bà Lâm Thị X; do nhà chật hẹp, cuộc sống khó khăn nên năm 1956 mẹ bà đã cùng ông N bán ngôi nhà liền đất trong chợ, lấy tiền mua khu đất rộng hơn với diện tích đất là 2.674m² ở vùng ven chợ (nay là phố B, thị trấn U) để tăng gia trồng rau nuôi lợn, sau này sẽ chia cho các con để làm nhà ở; hiện nay bà Lâm Thị X và con trai Liêu Văn HG đang quản lý, sử dụng diện tích đất trên. Sau khi mua được đất vùng ven, mẹ bà đã dựng ngôi nhà gỗ 3 gian lợp ngói, toàn thể gia đình gồm mẹ, vợ chồng ông N và các anh em sống chung ở đó, cho đến khi các anh em của bà trưởng thành đã lần lượt thoát ly công tác và lập gia đình ở riêng. Khi các anh em bà kết hôn đều tổ chức tại nhà và đất đó. Sau đó mẹ bà và gia đình ông N cùng sinh sống ở ngôi nhà đó. Năm 1990 mẹ bà chết, hàng năm các con cháu vẫn về giỗ chạp, thanh minh tảo mộ tổ tiên. Trong thời gian anh chị em vắng nhà, ông Liêu Văn N và bà Lâm Thị X đã bán hai lô đất cho anh Liêu Văn G và anh Vũ Thăng L với tổng diện tích đất là 511m² mà không hỏi ý kiến các anh em bà là không đúng; nhưng vì là anh em ruột nên không ai khiếu kiện gì. Ông N và bà X còn tự tiện lập di chúc chia đất của bố mẹ bà cho các con mà không có sự đồng ý của mấy anh em là trái pháp luật. Ông Liêu Văn N đã chết, bà Lâm Thị X đã và đang có ý đồ đem đất của bố mẹ bà chưa chia thừa kế để chia cho các con của mình là vi phạm pháp luật về thừa kế di sản.

Bố, mẹ bà chết không để lại di chúc chia di sản thừa kế là đất cho các con ruột. Căn cứ vào các Điều 623, 649, 650, 651 và 652 Bộ luật dân sự, bà yêu cầu được chia di sản thừa kế theo pháp luật; cụ thể, diện tích đất là 2.674m² đem chia sáu kỷ phần cho 6 anh chị em các con của cụ Liêu Văn E và Bé Thị K. Đối với diện tích khoảng 511m² đất mà ông N và bà X đã bán sẽ được tính vào kỷ phần mà ông Liêu Văn N được chia. Các con ông Liêu Văn A và ông Liêu Văn T được chia theo hàng thừa kế thế vị. Còn bà X không được hưởng thừa kế di sản của bố, mẹ chồng theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2019 bà Liêu Thúy V ủy quyền cho ông Liêu Đức D thay mặt và nhân danh bà ra trước Tòa án các cấp để giải quyết vụ kiện nêu trên.

Tại các đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2019 những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Liêu Thị L và Liêu Đức D cùng khởi kiện bị đơn Lâm Thị X, nội dung đơn cơ bản giống như người có yêu cầu độc lập Liêu Thúy V đã trình bày ở trên, do đơn chưa đầy đủ theo quy định của pháp luật nên ngày 19/3/2019 Tòa án ban hành thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện; tuy nhiên bà L và ông D đã không sửa đổi, bổ sung đơn theo yêu cầu của Tòa án.

Tại Giấy ủy quyền ngày 26/9/2019 bà Liêu Thị L đã ủy quyền cho ông Liêu Đức D thay mặt bà tham gia tố tụng tại Tòa án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông D được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của bà; khi thực hiện các nội dung ủy quyền ông D được lập và ký các giấy tờ cần thiết tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định, đồng thời được thay mặt bà nộp các khoản chi phí phát sinh từ việc được ủy quyền trên. Nếu vụ án được tiếp tục giải quyết ở Tòa án khác thì ông D cũng được thay mặt và nhân danh bà ra trước Tòa án các cấp để giải quyết vụ kiện nêu trên.

Còn tại biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2020 và ngày 05/6/2020 khi đến xem xét thẩm định tại chỗ khu đất, ông Liêu Đức D người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Liêu Thúy V đã rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với hai thửa đất có tổng diện tích đất là 511m² mà trước đó ông Liêu Văn N và bà Lâm Thị X đã bán cho anh Liêu Văn G và anh Vũ Thăng L. Tổng diện tích đất ông D yêu cầu Tòa án giải quyết là 2.182,1m² đem chia thừa kế theo pháp luật cho 6 người con của cụ Liêu Văn E và cụ Bé Thị K.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đồng Thị D trình bày: Bà là vợ của Liêu Văn T (chết năm 1993). Bà kết hôn với ông T khi ông T đang ở trong quân ngũ, còn đất đai ở nhà thì do anh, chị, em của ông T quản lý và sử dụng nên bà không nắm được. Nay Tòa án thụ lý vụ án chia di sản thừa kế, bà yêu cầu được hưởng thừa kế kỷ phần của chồng, yêu cầu lấy đất. Do tuổi cao đi lại khó khăn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2019 và các văn bản ý kiến tiếp theo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lương Thị T trình bày: Chị là con dâu của ông Liêu Văn T, là vợ của Liêu Văn Th (chết năm 2010). Theo chị biết sau khi ông Liêu Văn E (ông nội chồng bà) chết, thì bà nội chồng là Bé Thị K sống cùng với bác cả là Liêu Văn N được vài năm thì bán khu đất cũ của gia đình, rồi mua khu đất mới với diện tích 2.674,1m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, chính là diện tích đất mà bà Lâm Thị X (vợ ông N) cùng các con đang sinh sống, quản lý và sử dụng (nhưng không có tài liệu chứng gì cung cấp cho Tòa án), chị xin được hưởng thừa kế phần của chồng chị, yêu cầu lấy đất. Theo quy định thì chị phải đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng do điều kiện ở xa nên chị có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản tự khai ngày 11/3/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Liêu Thị Thúy D trình bày: Chị là con ông Liêu Văn T. Trước đây các bác, bố và các cô chị kể lại, ông bà nội chị là Liêu Văn E và Bé Thị K có nhà và đất ở phố, trước cửa nhà là chợ thị trấn U. Sau khi ông nội chị chết được mấy năm thì bà nội cùng bác Liêu Văn N (anh trai bố chị) đã bán nhà và đất, dùng số tiền đó mua mảnh đất mà hiện nay bà

Lâm Thị X (vợ ông N) và các con bà đang ở tại phố B, thị trấn U. Sau khi mua đất bà nội chị đã dựng ngôi nhà gỗ 3 gian lợp ngói, toàn thể gia đình gồm bà nội, vợ chồng ông N và các anh em của bố chị sống chung ở đó, cho đến khi các anh em của bố chị trưởng thành lần lượt thoát ly công tác và lập gia đình riêng. Khi các anh em bố chị kết hôn được bà nội tổ chức tại ngôi nhà đó. Năm 1990 bà nội chị chết thì gia đình ông N vẫn sống tại ngôi nhà đó. Lúc bố chị còn sống cũng như sau khi đã chết, Hàng năm cô, chú chị vẫn duy trì giỗ chạp, tảo mộ tổ tiên. Năm 1998 do bà X và con trai Liêu Văn HG đánh chửi nhau thì bác N mới dỡ ngôi nhà cột gỗ, sau đó anh Liêu Văn HG mới xây nhà trên vị trí ngôi nhà cột gỗ mà bà nội chị đã từng ở. Bố chị đã chết nên mọi vấn đề có liên quan đến diện tích đất nói trên sẽ do các cô, chú là Liêu Thị L, Liêu Đức D và Liêu Thúy V và các anh con bác chị quyết định. Nếu bố chị được chia đất thì chị sẽ nhận kỷ phần của mình bằng đất. Ngoài ra, chị D có đơn xin vắng mặt trong các phiên họp, các phiên tòa ở các cấp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/2/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Liêu Văn Th trình bày: Anh là con của ông Liêu Văn A (chết năm 2010). Nguồn gốc khu đất Khăn R tọa lạc tại phố B, thị trấn U không phải của ông, bà nội anh để lại; anh nghe bố, mẹ và cô chú kể lại đất này do ông Liêu Văn N bán nhà của ông bà nội anh rồi lấy tiền về mua. Nay anh không yêu cầu hưởng kỷ phần của mình trên khu đất đó. Tuy nhiên, ngày 25/6/2019 anh Th lại đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Liêu Văn E và cụ Bé Thị K cho các con gồm: Liêu Văn N, Liêu Văn A, Liêu Văn T, Liêu Thị L, Liêu Đức D và bà Liêu Thúy V theo quy định của pháp luật; Ngoài ra, với lý do sức khỏe nên anh Th có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên hòa giải cũng như xin vắng mặt tại phiên tòa các cấp.

Tại văn bản ghi ý kiến về việc triệu tập đương sự ngày 25/6/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Liêu Văn Y trình bày: Ông đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết việc chia di sản thừa kế theo pháp luật, ông đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Liêu Văn E và cụ Bé Thị K cho các con gồm: Liêu Văn N, Liêu Văn A, Liêu Văn Th, Liêu Thị L, Liêu Đức D và bà Liêu Thúy V theo quy định của pháp luật; do sức khỏe yếu nên ông không đến Tòa được. Ngày 15/8/2020 ông Liêu Văn Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ L quan Liêu Văn G trình bày: Anh là con của ông Liêu Văn A và bà Nông Thị L (đều đã chết năm 2010). Ông nội anh chết năm 1952, còn bà nội chết năm 1990. Khi bà nội anh chết có bác N và bố anh lo mai táng phí, mức chi phí bao nhiêu anh không nắm. Diện tích 328,6m² đất nền nhà tọa lạc tại phố B, thị trấn U hiện nay gia đình anh đang ở có nguồn gốc là năm 1980 bác Liêu Văn N bán cho bố anh (anh không biết giá tiền

bao nhiêu), đến năm 1982 bố anh cho anh quản lý, sử dụng diện tích đất trên cho đến nay; ngày 21/11/2002 Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) do anh G đứng tên ở thửa đất số 203, tờ bản đồ số 7, diện tích 328,6m². Nay anh G yêu cầu Tòa án giải quyết được hưởng kỷ phần đất của bố anh là Liêu Văn A. Ngày 22/8/2020 ông Liêu Văn G có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 27/6/2019 những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Vũ Thăng L và Bùi Tuyết L trình bày: Vợ chồng anh L, chị L là hàng xóm của bà Lâm Thị X. Gia đình nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án về việc bà Liêu Thúy V có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế, trong đơn bà V đã yêu cầu lấy diện tích đất ông Liêu Văn N đã bán cho gia đình vào để tính chia di sản thừa kế. Cụ thể, diện tích đất nền nhà tọa lạc tại phố B, thị trấn U hiện nay gia đình anh L đang quản lý có nguồn gốc là năm 1982 gia đình anh mua với ông Liêu Văn N (chồng bà X), việc mua bán đất áng chừng (mua quạ) với số tiền là 70.000đ (*Bảy mươi nghìn đồng*). Việc mua bán đất chỉ lập giấy biên nhận viết tay, không có xác nhận của chính quyền. Cũng trong năm 1982 gia đình anh dựng nhà ngói, cột gỗ trên diện tích đất trên; đến năm 1999 gia đình anh làm lại nhà cấp 4 như hiện nay đang quản lý. Năm 2017 gia đình anh được nhà nước đã cấp GCNQSDĐ đất ở tại đô thị do hai vợ chồng là anh cùng đứng tên ở thửa số 170, tờ bản đồ số 7, diện tích 181m² GCNQSDĐ cấp ngày 17/4/2017; Anh Long và chị Lan cùng xin vắng mặt tại phiên hòa giải cũng như các phiên tòa ở các cấp.

- *Tại văn bản ý kiến về việc yêu cầu độc lập ngày 26/4/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Liêu Thị T trình bày:* Chị là con ông Liêu Văn A, chị nhận được thông báo thụ lý vụ án ngày 20/4/2019, bằng văn bản này chị có ý kiến, diện tích đất 2.674,1m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U là của ông, bà nội chị để lại, chị yêu cầu giải quyết theo quyền thừa kế của pháp luật. Yêu cầu lấy đất. Mong quý tòa xem xét giải quyết. Chị T xin xét xử vắng mặt tại Tòa án nhân dân các cấp.

- *Tại văn bản ghi ý kiến về việc triệu tập đương sự ngày 23/6/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Liêu Minh T trình bày:* Anh là con của ông Liêu Văn T và bà Đồng Thị D, anh đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án U nhưng vì đi làm ăn xa ở xa không thể đến dự được, mong quý tòa xem xét giúp đỡ. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Liêu Minh T yêu cầu lấy một phần đất của ông bà nội anh là Liêu Văn E và Bé Thị K.

- *Tại văn bản ý kiến về việc triệu tập đương sự ngày 24/6/2019 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/8/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Liêu Mạnh T trình bày:* Anh là con của ông Liêu Văn Th và bà Lương Thị T, do bận làm ăn xa nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa

giải và tất cả các phiên Tòa tại tòa án nhân huyện Q và Tòa án nhân dân các cấp. Ngoài ra anh Toàn không yêu cầu gì.

- *Tại văn bản ý kiến về việc triệu tập đương sự ngày 23/6/2019 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/8/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Liêu Minh Tn trình bày:* Anh là con của ông Liêu Văn Th và bà Lương Thị T, do bận làm ăn xa nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải và tất cả các phiên tòa tại Tòa án nhân huyện Q và Tòa án nhân dân các cấp. Ngoài ra anh Tn không yêu cầu gì.

Tại văn bản trả lời Tòa án số 29/UBND-CV ngày 10/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện U (nay là huyện Q) và lời khai tại phiên tòa của ông Lương Văn P người đại diện theo ủy quyền chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cho biết, lý do các thửa đất số 187, 188, 202, 243, 245, 244 và 246, tờ bản đồ số 7 chưa được Nhà nước cấp GCNQSDĐ do đang tranh chấp nên chưa đủ điều kiện cấp. Việc gia đình bà Lâm Thị X và gia đình anh Liêu Văn HG đang sử dụng các thửa đất trên không vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện. Sau khi có phán quyết của Tòa án nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân huyện sẽ thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật. Bản đồ, sơ đồ, ranh giới các thửa đất nêu trên được xác định theo trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh huyện U (nay là Q) lập. Còn việc các thửa đất số 187, 188, 202, 243, 245, 244 và 246, tờ bản đồ số 7 theo bản đồ địa chính có tổng diện tích là 2.163,5m², nhưng khi Tòa án thẩm định tại chỗ có tổng diện tích là 2.182,1m² (*diện tích đất đo được tăng lên so với bản đồ địa chính là 18,6m²*) là do quá trình đo vẽ có sai số giữa các lần đo, các thiết bị đo và phương pháp đo nên tổng diện tích đất không thống nhất như trên là được phép sai số theo quy định.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2019 người làm chứng Nguyễn Thị P trình bày: Bà là em cô bên ngoại của ông N, gọi bà X là chị dâu. Bà nghe mẹ kể lại, năm 1955 mẹ bà là Liêu Thị D bán khu đất Khăn R cho vợ chồng anh N và chị X với giá 250 đồng, nhưng không lập giấy tờ gì. Ngoài ra bà P xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa các cấp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2019 người làm chứng Liêu Thị C trình bày: Bà X là cháu dâu, ông D là cháu họ gọi bà C là cô. Nguồn gốc khu đất Khăn R là của bà Liêu Thị D bán cho ông Liêu Văn N và Lâm Thị X, nhưng bà không biết thời gian nào mua bán. Sở dĩ bà biết được có việc mua bán này là do năm 1955 ông N, bà X vay bà 30 đồng và trả đủ tiền vào cuối năm đó luôn. Ngoài ra, bà C xin vắng mặt ở các phiên tòa các cấp, do tuổi đã cao.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2019 người làm chứng Lương Văn P trình

bày: Ông là người yêu cũ của bà Liêu Thị L. Ông biết được nguồn gốc khu đất Khăn R của gia đình bà X là do năm 1955 ông N, bà X mua; nguồn tiền mua đất thì ông không biết; còn đất ở trong chợ U của ông E, bà K ai là người bán ông cũng không biết. Ngoài ra, ông còn biết được bà K người ở xã P (vợ ông Liêu Văn E) nghiện thuốc phiện từ lúc về lấy ông E. Còn ngày 11/10/2018 ông có ký lời xác nhận là “...ông Liêu Văn E và bà Bé Thị K có mảnh đất và nhà ở trong phố chợ U. Năm 1955 ông Liêu Văn N bán đi để mua mảnh đất hiện nay bà X đang ở và sử dụng...”; tuy nhiên, lời xác nhận đó là do ông Liêu Đức D đã viết sẵn, ông không được đọc lại, chỉ được ký vào giấy tờ. Ông P xin vắng mặt ở các phiên tòa các cấp, do tuổi đã cao.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2019 người làm chứng Thang Văn T trình bày: vợ ông với ông Liêu Đức D là anh em trong họ (cùng họ L), bà X là chị dâu họ của vợ ông. Ông không biết gì về nguồn gốc đất Khăn R của gia đình bà X. Tại giấy xác nhận ngày 29/8/2018 ông ký với nội dung: “...Tôi biết ông Liêu Văn E là bậc cha chú có một cái nhà cấp bốn liền đất ở. Năm 1949 tiêu thổ kháng chiến trong cả thị trấn. Năm 1955 ông N bán mảnh đất nền nhà này...”. Nay ông có ý kiến, năm 1955 ông còn trong quân ngũ, khi về thăm nhà đã thấy người khác sử dụng căn nhà cấp bốn trên, nên đã đoán năm 1955 đã bán; thực ra ông không biết ai đã bán nhà và bán cho ai, không biết bán để làm gì. Ngoài ra, ông T xin vắng mặt ở các phiên tòa các cấp, do tuổi đã cao.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2019 người làm chứng Phùng Thị M trình bày: Bà là người cùng phố với bà X. Bà không biết gì về nguồn gốc đất Khăn R của gia đình bà X. Không biết ai bán đất, năm bán đất, bán để làm gì. Còn việc ngày 11/10/2018 bà ký giấy xác nhận với nội dung “...ông Liêu Văn N bán mảnh đất và nhà của ông Liêu Văn E và bà Bé Thị K ở trong phố chợ thị trấn U mua mảnh đất hiện nay bà X đang ở và sử dụng...”, là do giấy xác nhận đã viết sẵn nội dung, bà không đọc và không ai đọc cho bà nghe, bà chỉ biết ký. Ngoài ra, bà M xin vắng mặt ở các phiên tòa các cấp, do tuổi đã cao.

Tại Đơn xin xác nhận ngày 02/10/2018 người làm chứng Đặng Kim C xác nhận nội dung văn bản do ông Liêu Đức D đã soạn và ký sẵn là đúng sự thật. Tuy nhiên, ở biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2019 ông Đặng Kim C lại khai, ông là người cùng quê U với ông D và bà X. Ông không biết, không nắm được nguồn gốc đất Khăn R tọa lạc tại phố B, thị trấn U của gia đình bà Lâm Thị X. Ông N, bà X mua khu đất Khăn R thời gian nào, mua với ai và nguồn tiền mua đất lấy ở đâu ông không biết. Ông cũng không chứng kiến, không biết gì về việc bà Bé Thị Kim bán nhà và đất ở phố chợ để mua khu đất Khăn R. Ngoài ra, ông C xin vắng mặt ở các phiên tòa các cấp, do già yếu.

Từ năm 1994 đến năm 2018 ông Liêu Văn N và bà Lâm Thị X đã nhiều lần chia đất Khăn R cho các con; cụ thể: Di chúc hoặc giấy chia tài sản ngày 10/7/1994 có ông Liêu Đức D ký người làm chứng; Giấy phân chia tài sản cho các con ngày 23/10/1995; Giấy chuyển quyền thừa kế ngày 20/7/2002. Ngoài ra, ngày 18/2/2012 và ngày 13/8/2018 bà Lâm Thị X tự lập hai di chúc chia tài sản là khu đất Khăn R.

Theo yêu cầu của đương sự, ngày 25/10/2018 Tòa án đã thẩm định tại chỗ và định giá tài sản khu đất Khăn R. Tuy nhiên, năm 2020 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành bảng giá đất khác thay thế bảng giá đất năm 2014; kết quả định giá tài sản trên đất (nhà, đất, cây lấy gỗ và cây ăn quả...) sau hai năm số liệu có thể sẽ bị thay đổi nên ngày 05/6/2020 Tòa án đã thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lại. Kết quả xác định như sau:

* Khu đất gồm 6 thửa đất và 01 thửa làm lối đi, có tổng diện tích đất là 2.182,1m². Trên thửa đất số 243, diện tích 130m² có ngôi nhà xây bằng gạch (hiện nay là nhà thờ cúng bà Lâm Thị X), phần đầu hồi lán khung gỗ tường xây gạch chỉ lợp Froximăng xây vượt phạm vi ranh giới, lấn ra đất công diện tích là 3,3m² (2,2m x 1,5m = 3,3m²).

* Còn theo kết quả định giá tài sản:

1- Thửa số 243, tờ bản đồ số 7, diện tích 130m² ở vị trí 2, thuộc đường phố loại 1 của thị trấn U có giá là 4.192.500đ/m² x 130m² = 545.025.000đ. Tài sản trên đất có 3 kết cấu nh của bà Lâm Thị X (hiện đang thờ cúng bà X): 01 nhà chính cấp 4 trị giá: 149.249.100đ; 01 nhà bếp trị giá 138.712.700đ và 01 lán khung gỗ tường xây gạch chỉ lợp Froximăng trị giá: 11.396.000đ. Tổng cộng trị giá nhà và đất là 844.382.800đ (Tám trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm tám mươi hai nghìn tám trăm đồng).

2- Thửa số 188, tờ bản đồ số 7, diện tích 535,2m² ở vị trí 2, thuộc đường phố loại 1 của thị trấn U có giá là 4.192.500đ/m² x 535,2m² = 2.243.826.000đ. Tài sản trên đất, có 2 ngôi nhà của bà Lâm Thị X: 01 nhà khung gỗ trị giá 16.500.000đ, 01 nhà xây cấp 4 trị giá 55.820.000đ; ngoài ra, trên đất còn có cây cối, hoa màu của bà Lâm Thị X với tổng trị giá là 9.940.000đ. Tổng cộng trị giá nhà, đất và cây cối trên đất là 2.326.086.000đ (Hai tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu không trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

3- Thửa số 202, tờ bản đồ số 7, diện tích 436,3m² ở vị trí 3, thuộc đường phố loại 1 của thị trấn U có giá là 3.139.000đ/m² x 436,3m² = 1.369.545.700đ. Trên đất có ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ là tài sản riêng của gia đình anh Liêu Văn HG, nên không định giá.

4- Thừa số 244, tờ bản đồ số 7, diện tích $203,1m^2$ ở vị trí 3, thuộc đường phố loại 1 của thị trấn U có giá là $3.139.000đ/m^2 \times 203,1m^2 = 637.530.900đ$. Tài sản trên đất có cây lấy gỗ và cây ăn quả của bà Lâm Thị X với tổng giá trị là 4.922.000đ. Tổng cộng trị giá đất và cây trên đất là 642.452.900đ (Sáu trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn chín trăm đồng).

5- Thừa số 245, tờ bản đồ số 7, diện tích $201,4m^2$ ở vị trí 3, thuộc đường phố loại 1 của thị trấn U có giá là $3.139.000đ/m^2 \times 201,4m^2 = 632.194.600đ$. Tài sản trên đất có 7 cây xoan hôi của bà Lâm Thị X có tổng giá trị là 3.969.000đ. Tổng cộng trị giá đất và cây trên đất là 636.163.600đ (Sáu trăm ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm đồng). Ngoài ra trên đất còn có khoảng 30 cây ban và một gốc bí đỏ do gia đình anh Liêu Văn HG trồng, nên không định giá.

6- Thừa số 246, tờ bản đồ số 7, diện tích $546,1m^2$ ở vị trí 3, thuộc đường phố loại 1 của thị trấn U có giá là $3.139.000đ/m^2 \times 546,1m^2 = 1.714.207.900đ$. Tài sản trên đất có cây lấy gỗ và cây ăn quả của bà Lâm Thị X với tổng giá trị là 6.899.000đ. Tổng cộng trị giá đất và cây trên đất là 1.721.106.900đ (Một tỷ bảy trăm hai mươi một triệu một trăm linh sáu nghìn chín trăm đồng).

7- Thừa số 187, tờ bản đồ số 7, diện tích $130m^2$ là con đường dân sinh, không định giá.

Tổng cộng trị giá 6 thửa đất (trừ con đường dân sinh ở thửa 187) là: **7.539.737.900đ** (Bảy tỷ năm trăm ba mươi chín triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm đồng).

Vụ án đã được hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Q đã:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, các Điều 35, 39, 42, 147, 157, 165, 227, 228, 229, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 655 và Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 1995.

Căn cứ Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 612, 623, 630, 640, 649, 650 và 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ tiết b, điểm 1.3, khoản 1, mục II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với các thửa đất gồm:

- Thửa đất số 203, tờ bản đồ 7, diện tích đất 328,6m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng do anh Liêu Văn G đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 170, tờ bản đồ 7, diện tích đất 181m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng do anh Vũ Thăng L và chị Bùi Tuyết L đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Bác yêu cầu khởi kiện độc lập đòi chia thừa kế tài sản là đất của cụ Liêu Văn E và cụ Bế Thị K của bà Liêu Thúy V (tên gọi khác là Liêu Thị V) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng phía bà V gồm: Liêu Đức D, Liêu Thị L, Liêu Văn G, Liêu Văn Yên, Liêu Văn T Liêu Thị T, Đồng Thị D, Lương Thị T, Liêu Thị Thúy D và Liêu Minh T.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị X có các chị Liêu Thị H, Liêu Thị P và Liêu Thị M được bà X giao kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng. Công nhận khu đất Khăn R gồm các thửa: 187, 188, 202, 243, 245, 244 và 246 với tổng diện tích đất là 2.182,1m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng là tài sản chung và nay là di sản của ông Liêu Văn N và bà Lâm Thị X.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị X có các chị Liêu Thị H, Liêu Thị P và Liêu Thị M được bà X giao kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng yêu cầu chia di sản thừa kế đối với khu đất Khăn R gồm các thửa đất: 187, 188, 202, 243, 245, 244 và 246 với tổng diện tích đất là 2.182,1m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Nay chia di sản thừa kế là đất và tài sản gắn liền với đất của ông Liêu Văn N và bà Lâm Thị X để lại cho hàng thừa kế nhất của ông N, bà X gồm: Liêu Văn C, Liêu Văn HG, Liêu Thị H, Liêu Thị P và Liêu Thị M; cụ thể:

4.1- Chia cho anh Liêu Văn C 01 nhà chính cấp 4, 01 nhà bếp và 01 lán khung gỗ lợp Froximăng trên thửa đất số 243, tờ bản đồ số 7, diện tích 130m² để quản lý, sử dụng và thờ cúng bà X, tổ tiên. Anh Liêu Văn C được quản lý, sử dụng thửa đất số 243, tờ bản đồ số 7, diện tích 130m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nhà và đất có trị giá là 844.382.800đ. Ngoài ra, anh C còn nhận từ chị Liêu Thị P số tiền là 663.564.780đ. Tổng cộng anh Liêu Văn C được hưởng trị giá tài sản và đất số tiền là 1.507.947.580đ (Một tỷ năm trăm linh bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi đồng).

Buộc anh Liêu Văn C phải tháo dỡ phần đầu hồi lán khung gỗ tường xây gạch chỉ lợp Froximăng xây vượt phạm vi ranh giới, lấn ra đất công diện tích là (2,2m x

1,5m = 3,3m²) **3,3m²**.

4.2- Chị Liêu Thị H được quản lý, sử dụng hai thửa đất gồm: Thửa số 244, tờ bản đồ số 7, diện tích 203,1m² và thửa số 245, tờ bản đồ số 7 diện tích 201,4m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng cùng các cây lấy gỗ và cây ăn quả trên đất với tổng trị giá tài sản là 1.278.616.500đ. Ngoài ra, chị H còn nhận từ chị Liêu Thị M số tiền là 213.159.320đ; nhận từ chị Liêu Thị P số tiền 16.171.760đ. Tổng cộng chị Liêu Thị H được hưởng trị giá tài sản và đất với số tiền là 1.507.947.580đ (Một tỷ năm trăm linh bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi đồng).

4.3- Anh Liêu Văn HG được quản lý, sử dụng thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7, diện tích 436,3m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; trị giá thửa đất là 1.369.545.700đ. Ngoài ra, anh HG còn nhận từ chị Liêu Thị P số tiền là 138.401.880đ. Tổng cộng anh Liêu Văn HG được hưởng trị giá đất số tiền là 1.507.947.580đ (Một tỷ năm trăm linh bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi đồng). Xác nhận, trên thửa đất có ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ là tài sản riêng của gia đình anh Liêu Văn HG.

4.4- Chia 2 ngôi nhà: 01 nhà khung gỗ, 01 nhà xây cấp 4 cùng cây cối, hoa màu trên thửa đất số 188, tờ bản đồ số 7, diện tích 535,2m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng cho chị Liêu Thị P quản lý, sử dụng. Chị Liêu Thị P được quản lý, sử dụng thửa đất số 188, tờ bản đồ số 7, diện tích 535,2m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Nhà, đất và cây cối trên đất có trị giá là 2.326.086.000đ (Hai tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu không trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Chị P phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch trị giá tài sản cho những người sau:

- Thanh toán cho anh Liêu Văn C số tiền là 663.564.780đ (Sáu trăm sáu mươi ba triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm tám mươi đồng).

- Thanh toán cho anh Liêu Văn HG số tiền là 138.401.550đ (Một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm linh một nghìn năm trăm năm mươi đồng).

- Thanh toán cho chị Liêu Thị H số tiền là 16.171.760đ (M sáu triệu một trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Chị Liêu Thị P còn được hưởng trị giá đất và tài sản trên đất với số tiền là 1.507.947.580đ (Một tỷ năm trăm linh bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi đồng).

4.5- Chị Liêu Thị M được quản lý, sử dụng thửa đất số 246, tờ bản đồ số 7 diện

tích 546,1m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng cùng các cây lấy gỗ, cây ăn quả trên đất với tổng trị giá tài sản là 1.721.106.900đ (Một tỷ bảy trăm hai mươi một triệu một trăm linh sáu nghìn chín trăm đồng).

Chị M phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch trị giá tài sản cho chị Liêu Thị H số tiền là 213.159.320đ (Hai trăm M ba triệu một trăm năm mươi chín nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Chị Liêu Thị M còn được hưởng trị giá đất và tài sản trên đất với số tiền là 1.507.947.580đ (Một tỷ năm trăm linh bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi đồng)

4.6- Giữ nguyên con đường dân sinh tại thửa số 187, tờ bản đồ số 7, có diện tích 130m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

(Có trích đo các thửa đất kèm theo)

Anh Liêu Văn C, anh Liêu Văn HG, chị Liêu Thị H, chị Liêu Thị P và chị Liêu Thị M tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kể từ ngày anh C, anh HG và chị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng chị P và chị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

5.1- Anh Liêu Văn C, anh Liêu Văn HG, chị Liêu Thị H, chị Liêu Thị P và chị Liêu Thị M cùng phải chịu chi phí thẩm định và định giá tài sản mỗi người số tiền là 720.000đ (*Bảy trăm hai mươi nghìn đồng*). Xác nhận, chị Liêu Thị H đã tạm nộp chi phí thẩm định, định giá ngày 25/10/2018 với số tiền là 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*). Thu từ anh Liêu Văn C, anh Liêu Văn HG, chị Liêu Thị P và chị Liêu Thị M mỗi người số tiền 720.000đ (*Bảy trăm hai mươi nghìn đồng*) để trả cho chị Liêu Thị H.

5.2- Bà Liêu Thúy V phải chịu chi phí thẩm định, định giá ngày 05/6/2020 với số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn). Xác nhận, bà V đã nộp đủ khoản tiền này.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05, 07 và 08/10/2020 ông Liêu Đức D, bà Liêu Thị L, bà Liêu Thúy V, ông Liêu Văn C và bà Liêu Thị M có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 12/01/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng nhận được đơn xin rút đơn kháng cáo đề ngày 08/01/2021 của nguyên đơn bà Liêu Thị M với nội dung không yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm thẩm định giá lại đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Liêu Đức D, Liêu Đức C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Trong đơn kháng cáo chúng tôi yêu cầu rất nhiều nội dung, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chúng tôi chỉ đề nghị cấp phúc thẩm xem xét và khẳng định đối với những thửa đất tranh chấp này là của cụ K và cụ E, không phải của bà X và ông N. Đề nghị cấp phúc thẩm chia di sản của cụ K và cụ E cho con của các cụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Liêu Thị M trình bày: Vẫn giữ nguyên nội dung rút kháng cáo, không yêu cầu cấp phúc thẩm định giá lại. Đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vụ việc tranh chấp này xảy ra đã quá lâu, từ khi mẹ tôi còn sống, đến nay cả bố mẹ đều đã chết, việc anh C cho rằng đó là đất của ông bà nội không phải đất của bố mẹ chúng tôi là không đúng. Nguồn gốc đất đó là do bố mẹ chúng tôi mua. Nay cấp sơ thẩm chia như vậy là đã đảm bảo được quyền lợi của tất cả các anh chị em, phần đất của anh C được hưởng có hai mặt tiền, như vậy đã đảm bảo được quyền lợi cho anh C.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Liêu Thị P, Liêu Thị H cùng trình bày. Đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, bản án sơ thẩm chia như vậy đã đảm bảo được quyền lợi của 5 anh em, người được ít đất hơn thì cũng đã được thanh toán bằng tiền, còn việc thờ cúng ông bà tổ tiên là đạo làm con thì ai cũng phải có trách nhiệm, chúng tôi không yêu cầu anh C tự lo thờ cúng bố mẹ.

Bị đơn Liêu Văn HG, tại cấp sơ thẩm không hợp tác và cũng không đến tham gia phiên tòa sơ thẩm, tại cấp phúc thẩm đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Đ có ý kiến: Cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Liêu Thị M Luật sư Trần Ngọc L có ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đều thể hiện nguồn gốc đất không phải là của cụ E và cụ K để lại. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Liêu Đức D- Luật sư Nguyễn Trung D có ý kiến: Nguồn gốc đất là của cụ E và cụ K, bởi có xác nhận của UBND

thị trấn, giấy chia đất của ông N chia cho ông A, nếu không phải đất của cụ K và cụ E thì lý do gì ông N lại chia đất cho ông A, biên bản họp gia đình chia đất ngày 21/6/2018 nhất trí chia đất cho ông D 400m², ngoài ra còn có 16 người tham gia tố tụng, thì có 13 người đều khẳng định đất của cụ K và cụ E, lời xác nhận của những người cao tuổi đã xác nhận cho ông D. Việc cấp sơ thẩm nhập vụ án là không đúng theo quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 42 BLTTDS, lời khai của ông HG trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm là sẽ chia hương hỏa cho các cô chú. Đề nghị Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về nguồn gốc đám đất yêu cầu chia thừa kế tên gọi là “Khẩn R” các bên đương sự không thống nhất được với nhau về nguồn gốc là do ông Liêu Văn N con trai cả trong gia đình gồm các anh chị em Liêu Văn N, Liêu Văn T, Liêu Văn A, Liêu Đức D, Liêu Thị L, Liêu Thúy V là con của hai cụ: Liêu Văn E và Bế Thị K, cụ E chết năm 1952, cụ K chết năm 1990 không để lại di chúc. Một bên cho R nguồn mua đám đất Khẩn R hiện nay yêu cầu chia thừa kế là do bán căn nhà trong phố chợ, nay là Ban quản lý chợ U. Vấn đề này cũng chưa có hồ sơ chứng minh là bán cho ai. Các chứng cứ kèm theo đó là, thứ nhất, Giấy chia đất ngày 14/9/1980 : “Tôi Liêu Văn N là người anh cả trong gia đình được sự thỏa thuận, nhất trí của gia đình nay chia đám đất “Khẩn R” là đất hiện nay thuộc phạm vi nhà ở của tôi cho em ruột tôi là Liêu Văn A với diện tích là khoảng 35m chiều dài và 12m chiều rộng đủ để dựng một cái nhà ở và ít đất trồng rau, ở phía bên phải nhà tôi đang ở, phía Đông giáp rãnh mương đường cái gần sân bóng, phía Tây giáp nhà tôi, phía Nam giáp đất cơ quan thủy lợi, số đất này kể từ ngày 15/9/1980 do quyền sở hữu hoàn toàn vĩnh viễn do gia đình chia cho Liêu Văn A sử dụng, lời nói không có gì làm bằng chứng còn phòng khi sau này thắc mắc nên làm giấy này để có cơ sở, căn cứ bằng chứng giải quyết (Có các chữ ký, Liêu Văn N, Lâm Thị X, xác nhận của UBND thị trấn U: “Giấy chia đất của ông Liêu Văn N là anh ruột của của Liêu Văn A hiện công tác tại T, bà Bế K mẹ đẻ cùng 2 vợ chồng Liêu Văn N thỏa thuận nhất trí giao cho em trai Liêu A sở hữu hoàn toàn số đất đã chia theo như giấy ở trên Chủ tịch Cung V đã ký”.

Thứ hai, Biên bản họp gia đình ngày 21/6/2018 xác định rằng đám đất này là của chung mấy anh em ông Liêu Văn N, vì lúc chia cho ông Liêu Văn A có cụ là bà Bế Thị K và ông Liêu Văn N, bà X. Nếu không phải của cụ E, cụ K sao chia cho ông Liêu Đức D đại diện anh em 400m² để bán đi để lấy kinh phí để xây mồ mả tổ tiên

họ L. Xong việc xây mộ mà ông bà tổ tiên là nghĩa vụ chung của con cháu trong dòng họ đóng góp, chứ không phải của riêng ai.

Tổng diện tích đất yêu cầu chia là 2.182,1m² nếu chia bằng hiện vật, bình quân mỗi người được 436,42m²

Bản án sơ thẩm xác định chia thừa kế quyền sử dụng đất và bù trừ nhau về giá trị quyền sử dụng đất như anh Liêu Văn C còn nhận từ Liêu Thị P số tiền 663.564.780đ, chị H còn nhận từ chị Liêu Thị M số tiền là 213.159.320đ, nhận từ Liêu Thị P 16.171.760đ. Trong hồ sơ không có văn bản nào thỏa thuận của các đương sự, việc chia giá trị đất theo quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, các bên đương sự cũng thừa nhận tại cấp sơ thẩm chưa thỏa thuận về chia giá trị quyền sử dụng đất và tại phiên tòa hôm nay các bên yêu cầu chia theo pháp luật. Như vậy kháng cáo của ông Liêu Văn C là có cơ sở cần được chấp nhận.

Về nhà thờ cúng tổ tiên, bản án quyết định chia cho anh Liêu Văn C 01 nhà chính cấp 4, 01 nhà bếp và 01 nhà lán khung gỗ lợp Frosi măng trên thửa đất số 243, tờ bản đồ số 7, diện tích 130m² để quản lý, sử dụng và thờ cúng bà X, tổ tiên. Việc chia như trên là không bình đẳng, công bằng. Riêng ông Liêu Văn C lại được 130m² đất để thờ cúng tổ tiên, các kỷ phần khác lại được đất, không phải chịu m² nào để làm nơi thờ cúng là không đúng, không công bằng. Tại phiên tòa hôm nay ông Liêu Văn C yêu cầu để một phần đất để làm nơi thờ cúng, số còn lại sau đó mới chia.

Theo khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “2. *Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.*”

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX xử hủy bản án sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, qua nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn Lâm Thị X khởi kiện xác định tài sản vợ chồng và yêu cầu chia di sản thừa kế; còn bà Liêu Thị V yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại, tài sản là bất động sản mà hai đương sự yêu cầu là một khu đất có địa chỉ: Phố Ho, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; ngày 16/4/2019 Tòa án huyện Q ra Quyết định nhập hai vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 42 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng thủ tục luật định. Tài sản trong vụ án là di sản thừa kế quyền sử dụng đất, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp di sản thừa kế quyền sử dụng đất*” là có căn cứ và đúng pháp luật theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn, bị đơn và tài sản tranh chấp đều có địa chỉ tại thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 9 Điều 26,

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn Liêu Văn HG đã được Tòa án phúc thẩm triệu tập hợp lệ hai lần nhưng từ chối tham gia tố tụng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: anh Yên, anh T, anh G, chị Thu, bà D, chị T, anh Tn, anh T, anh T, chị D, anh L và chị L, Trần Bình M, Trần Thanh P, Trần Thanh S đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo và căn cứ kháng cáo của các đương sự của ông Liêu Đức C, Liêu Đức D, Liêu Thị V, Liêu Thị L và các căn cứ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều có nội dung kháng cáo giống nhau, và khẳng định chỉ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm khẳng định nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cụ K và cụ E, do đó đề nghị đem chia cho hàng thừa kế của cụ K và cụ E.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, HĐXX xét thấy, nguồn gốc tài sản tranh chấp là khu đất Khăn R, có địa chỉ tại Phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, bao gồm các thửa đất 187, 188, 202, 243, 244, 245 và 246 thuộc tờ bản đồ số 7, tổng diện tích các thửa đất trên là 2.182,1m². Khu đất này là của vợ chồng ông Liêu Văn N và bà Lâm Thị X mua với vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Liêu Thị D vào năm 1955, việc mua bán trên được con gái bà D là bà Nguyễn Thị P và bà Liêu Thị C, ông Lương Văn P xác nhận, việc mua bán trên có nhiều người làm chứng, sau khi ông N, bà X mua đất đã có một quá trình quản lý sử dụng lâu dài, ổn định, thậm chí đã bán một phần đất cho ông G ở cạnh nhà, ngoài ra năm 1985 chị H dựng nhà trên thửa đất 244, anh HG dựng nhà vào năm 1997 trên thửa đất số 202, phía bên anh C, ông D, bà V, bà L và những người con khác của cụ E và cụ K cũng đều biết nhưng không ai có ý kiến gì. Tại đơn kháng cáo, và tại phiên tòa ông Liêu Đức D cho rằng nhà và đất tại chợ thị trấn U là của ông E và bà K bán cho Ban quản lý chợ U sau đó lấy tiền về mua khu đất ở Khăn R. Tại văn bản số 178/UBND-TNMT ngày 25/02/2021 của UBND huyện Q về việc cung cấp thông tin cho Tòa án nhân dân, nêu rõ: “Về nguồn gốc đất của Ban quản lý chợ U là đất công do UBND huyện quản lý và sử dụng (trên bản đồ địa chính VN2000 được đồ vẽ năm 1999 thể hiện chủ sử dụng đất là Ban quản lý chợ)”. Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định, nguồn gốc những thửa đất tranh chấp tại Khăn R là của ông N và bà X, còn việc ông D cho R phần đất của Ban quản lý chợ là mua với cụ E và cụ K là không có cơ sở để chấp nhận. Việc ông C, ông D, bà L, bà V cho R di sản trên

là của cụ E và cụ K để lại và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ K và cụ E là không có căn cứ chấp nhận.

[5] *Xét kháng cáo của nguyên đơn Liêu thị M:* Nguyên đơn Liêu Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc định giá lại tài sản quyền sử dụng đất là di sản thừa kế tranh chấp theo đúng loại đất. Tuy nhiên, ngày 12/01/2021 trước khi diễn ra phiên tòa, bà M có đơn xin rút đơn kháng cáo. Tại phiên tòa bà M vẫn giữ nguyên nội dung rút kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, việc rút đơn kháng cáo của bà M là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của chị M theo quy định tại khoản 3 điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] *Xét yêu cầu đề nghị giám định chữ viết và chữ ký của ông Liêu Đức D:* Ngày 15/01/2021 ông Liêu Đức D có đơn đề nghị giám định tư pháp chữ viết và chữ ký gửi Tòa án cấp phúc thẩm, đề nghị giám định chữ viết tay và chữ ký tay của ông Lương Văn P, Thang Văn T và bà Phùng Thị M, ông Đặng Kim C. HĐXX xét thấy, tại giấy xác nhận do ông Thang Văn T ký ngày 29/8/2018, giấy xác nhận của bà Phùng Thị M ngày 11/10/2018, giấy xác nhận của ông Lương Văn P ngày 11/10/2018. Hiện nay những người làm chứng trên vẫn còn sống, quá trình cấp sơ thẩm lấy lời khai của ông T, bà M vào ngày 31/7/2019, biên bản lấy lời khai của ông P vào ngày 18/7/2019 việc lấy lời khai sau khi họ ký xác nhận cho ông D, thời điểm cấp sơ thẩm lấy lời khai, họ vẫn minh mẫn, việc lấy lời khai được cấp sơ thẩm thực hiện công khai có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, việc những người làm chứng trình bày tại biên bản lấy lời khai là hoàn toàn tự nguyện, họ thừa nhận nội dung và ký xác nhận việc họ trình bày, do đó việc yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của họ là không cần thiết. Do đó yêu cầu này của ông D và luật sư Nguyễn Trung D không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên có đủ căn cứ để bác kháng cáo của ông D, ông C, bà V, bà L.

Đối với đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao bằng, Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ căn cứ để khẳng định về nguồn gốc đất là do ông N bà X mua vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Liêu Thị D vào năm 1955, việc mua bán trên được con gái bà D là bà Nguyễn Thị P xác nhận, ngoài ra còn có người làm chứng Lương Văn P cũng khẳng định là do ông N và bà X mua. Hơn nữa UBND huyện Q cũng khẳng định đất của Ban quản lý chợ hiện đang làm trụ sở có nguồn

gốc là đất công, như vậy đã có đủ căn cứ để khẳng định phần đất của Ban quản lý chợ không phải do cụ K và cụ E bán cho để lấy tiền vào mua phần đất hiện nay đang tranh chấp. Quá trình giải quyết cấp sơ thẩm đã đi thẩm định và định giá tài sản là di sản của ông N và bà X để lại thì đã xác định được các thửa đất có sự lớn nhỏ khác nhau, thửa đất không được vuông, nếu chia đều đất từng m² cho các kỹ phần sẽ không được đảm bảo lối đi, bởi các thửa đất nằm trong ngõ đi nhỏ, không thể chia mỗi thửa cho 5 kỹ phần đều nhau. Để đảm bảo các kỹ phần được hưởng như nhau, thì kỹ phần nào nhận được diện tích đất ít hơn thì cấp sơ thẩm đã buộc kỹ phần được nhiều hơn thanh toán bằng tiền cho kỹ phần nhận diện tích đất ít hơn, các kỹ phần đều hưởng giá trị là 1.507.947.580đồng, như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc tranh chấp di sản xảy ra đã lâu, các bên đương sự không có tiếng nói chung nên không thể thỏa thuận về giá cũng như về việc người nhận di sản, do đó các bên đương sự mới kiện ra Tòa để nghị giải quyết theo quy định của pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm giải quyết cho các kỹ phần được hưởng giá trị như nhau là đã đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Đối với kỹ phần của anh C, mặc dù diện tích đất của anh C ít hơn các kỹ phần khác, nhưng tại phiên tòa các bên đương sự cũng như anh C đều khẳng định phần đất anh C được hưởng có 2 mặt tiền, ngoài ra anh C cũng được thanh toán bằng tiền do các kỹ phần khác thanh toán. Như vậy quyền lợi của anh C cũng được đảm bảo như các kỹ phần khác. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bên đương sự đều khẳng định tự mỗi cá nhân sẽ có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên, không yêu cầu anh C phải có trách nhiệm tự lo thờ cúng tổ tiên. Việc các kỹ phần tự lo thờ cúng tổ tiên không yêu cầu phải tách ra một phần đất để làm nơi thờ cúng dòng họ là ý chí tự nguyện của các đương sự, do đó cần được ghi nhận. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng không có căn cứ để chấp nhận.

[7] *Về chi phí thẩm định và định giá tài sản:* Cấp sơ thẩm giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ để xem xét nội dung kháng cáo này của ông D, ông C, bà V, bà L.

[8] *Về án phí:* Do kháng cáo của các đương sự ông C, bà V, bà L không được Tòa án chấp nhận nên các bên đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Liêu Đức D là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Liêu Thị M phải chịu 50% tiền án phí phúc thẩm là 150.000đ, nay bà M được hoàn lại 150.000đ tiền tạm ứng án phí do rút nội dung kháng cáo trước khi mở

phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 284, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 655 và Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 1995.

Căn cứ các Điều 612, 623, 630, 640, 649, 650, 651 khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ tiết b, điểm 1.3, khoản 1, mục II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Liêu Đức D, Liêu Thị L, Liêu Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Liêu Thúy V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Liêu Thị M, do người kháng cáo rút đơn khởi kiện.

2. Đình chỉ xét xử đối với các thửa đất gồm:

- Thửa đất số 203, tờ bản đồ 7, diện tích đất 328,6m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng do anh Liêu Văn G đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 170, tờ bản đồ 7, diện tích đất 181m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng do anh Vũ Thăng L và chị Bùi Tuyết L đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Bác yêu cầu khởi kiện độc lập đòi chia thừa kế tài sản là đất của cụ Liêu Văn E và cụ Bé Thị K của bà Liêu Thúy V (tên gọi khác là Liêu Thị V) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng phía bà V gồm: Liêu Đức D, Liêu Thị L, Liêu Văn G, Liêu Văn Y, Liêu Văn Tn, Liêu Thị T, Đồng Thị D, Lương Thị T, Liêu Thị Thúy D và Liêu Minh T.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị X có các chị Liêu Thị H, Liêu Thị P và Liêu Thị M được bà X giao kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng, công nhận khu đất Khăn R gồm các thửa: 187, 188, 202, 243, 245, 244 và 246 với tổng diện tích đất

tích đất là 2.182,1m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng là tài sản chung và nay là di sản của ông Liêu Văn N và bà Lâm Thị X.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị X có các chị Liêu Thị H, Liêu Thị P và Liêu Thị M được bà X giao kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng yêu cầu chia di sản thừa kế đối với khu đất Khăn R gồm các thửa đất: 187, 188, 202, 243, 245, 244 và 246 với tổng diện tích đất là 2.182,1m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Nay chia di sản thừa kế là đất và tài sản gắn liền với đất của ông Liêu Văn N và bà Lâm Thị X để lại cho hàng thừa kế nhất của ông N, bà X gồm: Liêu Văn C, Liêu Văn HG, Liêu Thị H, Liêu Thị P và Liêu Thị M; cụ thể:

5.1. Anh Liêu Văn C được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất gồm: 01 nhà chính cấp 4, 01 nhà bếp và 01 lán khung gỗ lợp Froximăng dựng trên thửa đất số 243, tờ bản đồ số 7, diện tích 130m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nhà và đất có trị giá là 844.382.800đ. Ngoài ra, anh C còn được chị Liêu Thị P thanh toán tiền chênh lệch tài sản với số tiền là 663.564.780đ. Tổng cộng anh Liêu Văn C được hưởng trị giá tài sản và đất số tiền là 1.507.947.580đ (*Một tỷ năm trăm linh bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi đồng*).

Buộc anh Liêu Văn C phải tháo dỡ phần đầu hồi lán khung gỗ tường xây gạch chỉ lợp Froximăng xây vượt phạm vi ranh giới, lấn ra đất công diện tích là (2,2m x 1,5m = 3,3m²) **3,3m²**.

5.2. Chị Liêu Thị H được quản lý, sử dụng hai thửa đất gồm: Thửa số 244, tờ bản đồ số 7, diện tích 203,1m² và thửa số 245, tờ bản đồ số 7 diện tích 201,4m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng cùng các cây lấy gỗ và cây ăn quả trên đất với tổng trị giá tài sản là 1.278.616.500đ. Ngoài ra, chị H còn được chị Liêu Thị M thanh toán tiền chênh lệch tài sản với số tiền là 213.159.320đ; và được chị Liêu Thị P thanh toán tiền chênh lệch tài sản với số tiền 16.171.760đ. Tổng cộng chị Liêu Thị H được hưởng trị giá tài sản và đất với số tiền là 1.507.947.580đ (*Một tỷ năm trăm linh bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi đồng*).

5.3. Anh Liêu Văn HG được quản lý, sử dụng thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7, diện tích 436,3m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; trị giá thửa đất là 1.369.545.700đ. Ngoài ra, anh HG còn được chị Liêu Thị P thanh toán số tiền chênh lệch tài sản với số tiền là 138.401.880đ. Tổng cộng anh Liêu Văn HG được hưởng trị giá đất số tiền là 1.507.947.580đ (*Một tỷ năm trăm linh bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi đồng*). Xác nhận, trên thửa đất có ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ là tài sản riêng của gia đình anh Liêu Văn HG.

5.4- Chị Liêu Thị P được quyền sở hữu 2 ngôi nhà và quyền sử dụng đất gồm: 01 nhà khung gỗ, 01 nhà xây cấp 4 cùng cây cối, hoa màu dựng trên thửa đất số 188, tờ bản đồ số 7, có diện tích 535,2m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao

Bằng. Nhà, đất và cây cối trên đất có trị giá là 2.326.086.000đ (*Hai tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu không trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

Chị P phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch trị giá tài sản cho những người sau:

- Thanh toán cho anh Liêu Văn C số tiền là 663.564.780đ (*Sáu trăm sáu mươi ba triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn bảy trăm tám mươi đồng*).

- Thanh toán cho anh Liêu Văn HG số tiền là 138.401.550đ (*Một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm linh một nghìn năm trăm năm mươi đồng*).

- Thanh toán cho chị Liêu Thị H số tiền là 16.171.760đ (*M sáu triệu một trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*).

Trị giá đất và tài sản trên đất của chị Liêu Thị P còn được hưởng là 1.507.947.580đ (*Một tỷ năm trăm linh bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi đồng*).

5.5. Chị Liêu Thị M được quản lý, sử dụng thửa đất số 246, tờ bản đồ số 7 diện tích 546,1m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng cùng các cây lấy gỗ, cây ăn quả trên đất với tổng trị giá tài sản là 1.721.106.900đ (*Một tỷ bảy trăm hai mươi một triệu một trăm linh sáu nghìn chín trăm đồng*).

Chị M phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch trị giá tài sản cho chị Liêu Thị H số tiền là 213.159.320đ (*Hai trăm M ba triệu một trăm năm mươi chín nghìn ba trăm hai mươi đồng*).

Chị Liêu Thị M còn được hưởng trị giá đất và tài sản trên đất với số tiền là 1.507.947.580đ (*Một tỷ năm trăm linh bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi đồng*).

5.6- Giữ nguyên con đường dân sinh tại thửa số 187, tờ bản đồ số 7, có diện tích 130m² tọa lạc tại phố B, thị trấn U, huyện Q, tỉnh Cao Bằng để làm lối đi chung.

(Có trích đo các thửa đất kèm theo)

Anh Liêu Văn C, anh Liêu Văn HG, chị Liêu Thị H, chị Liêu Thị P và chị Liêu Thị M tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kể từ ngày anh C, anh HG và chị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng chị P và chị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

6.1. Anh Liêu Văn C, anh Liêu Văn HG, chị Liêu Thị H, chị Liêu Thị P và chị Liêu Thị M cùng phải chịu chi phí thẩm định và định giá tài sản mỗi người số tiền là 720.000đ (*Bảy trăm hai mươi nghìn đồng*). Xác nhận, chị Liêu Thị H đã tạm nộp chi

phí thẩm định, định giá ngày 25/10/2018 với số tiền là 3.600.000đ (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*). Nay anh Liêu Văn C, anh Liêu Văn HG, chị Liêu Thị P và chị Liêu Thị M mỗi người phải chịu số tiền 720.000đ (*Bảy trăm hai mươi nghìn đồng*) để trả cho chị Liêu Thị H.

6.2. Bà Liêu Thúy V phải chịu chi phí thẩm định, định giá ngày 05/6/2020 với số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng chẵn*). Xác nhận, bà V đã nộp đủ khoản tiền này.

7. Về án phí:

- Ông Liêu Văn C, bà Liêu Thúy V, bà Liêu Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

+ Xác nhận ông C đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2016/0000968 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

+ Xác nhận bà Liêu Thị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2016/0000969 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

+ Xác nhận bà Liêu Thúy V đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2016/0000970 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- Bà Liêu Thị M pP chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà M đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0000978 ngày 19/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Nay bà M được hoàn lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ông Liêu Đức D được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

- Bà Liêu Thúy V, bà Liêu Thị L, anh Liêu Văn G, anh Liêu Văn Y, anh Liêu Văn T, chị Liêu Thị T, bà Đồng Thị D, chị Lương Thị T, chị Liêu Thị Thúy D và anh Liêu Minh Tn mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) để sung quỹ Nhà nước. Riêng ông Liêu Đức D được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Bà Liêu Thúy V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Nhưng được trừ đi khoản tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp là 27.178.000đ theo Biên lai số AA/2016/0000847 ngày 16/4/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện U (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng thu. Nay bà Liêu Thúy V còn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 26.878.000đ (*Hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

Anh Liêu Văn C, anh Liêu Văn HG, chị Liêu Thị H, chị Liêu Thị P và Liêu Thị M mỗi người pP chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với giá trị phần tài sản được nhận số tiền là **57.238.400đ** (*Năm mươi bảy triệu hai trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Các chị Liêu Thị H, Liêu Thị P và Liêu Thị M mỗi người được đối trừ 1/3 tiền tạm ứng án phí mà bà Lâm Thị X đã nộp là 23.134.000đ (*Hai mươi ba triệu một trăm ba mươi tư nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2016/0000810 ngày 27/7/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện U (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng thu; cụ thể:

- Chị Liêu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là: $(57.238.400đ - 7.712.000đ = 49.526.400đ)$ **49.526.400đ** (*Bốn mươi chín triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*).

- Chị Liêu Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là: $(57.238.400đ - 7.711.000đ = 49.527.400đ)$ **49.527.400đ** (*Bốn mươi chín triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm đồng*).

- Chị Liêu Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là: $(57.238.400đ - 7.711.000đ = 49.527.400đ)$ **49.527.400đ** (*Bốn mươi chín triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CCTHADS huyện Q;
- TAND huyện Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Như